

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TPL22B1OLV
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024

STT	MSHS	Họ và tên	Ngày sinh	Nghiep vụ toàn án, thi hành án dân sự, thừa phát lại(2)												Xếp loại						
				Luật Thuế(1)		Nghiep vụ ĐK và QL hộ tịch(2)		Luật Thương mại(2)		Đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất(2)		Luật Hình sự và Tố tụng HS(4)		Kỹ năng mềm(2)			Pháp luật về công chứng, chứng thực(1)		Luật Tài chính(2)		Điểm TB	
1	2253801011205	Đặng Văn Bé Ba	30/04/1989	7.2	7.3	5.6	9.6	7.4	6.8	6.8	6.3	8.2	7.2	Khá								
2	2253801011206	Lê Bình Chiến	10/04/1990	7.1	7.3	6.1	9.2	7.0	7.1	7.3	6.1	8.7	7.4	Khá								
3	2253801011207	Trần Ngọc Diễm	17/01/1984	7.4	7.4	5.3	9.7	7.4	5.9	7.1	5.8	6.7	6.9	Trung bình								
4	2253801011208	Nguyễn Hoàng Giang	12/12/1993	7.4	7.6	6.8	9.5	8.0	7.2	6.8	6.7	8.8	7.7	Khá								
5	2253801011209	Trần Nhật Hào	17/10/1999	7.4	7.3	5.7	9.7	7.3	6.6	6.5	7.3	7.3	7.2	Khá								
6	2253801011210	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	12/03/1987	8.1	7.7	7.4	10.0	8.1	8.2	7.7	9.0	9.4	8.4	Giỏi								
7	2253801011211	Trần Công Hậu	19/01/1991	7.7	7.3	5.7	9.7	7.9	7.4	6.5	6.1	7.5	7.4	Khá								
8	2253801011212	Nguyễn Văn Hết	18/04/1979	7.4	7.3	5.1	8.4	7.0	7.3	7.0	5.9	8.8	7.2	Khá								
9	2253801011213	Kha Văn Hòa	08/04/1971	7.3	7.3	6.4	9.6	7.9	7.1	6.8	6.4	6.4	7.3	Khá								
10	2253801011214	Mai Thanh Hoàng	01/01/1982	7.5	7.3	7.7	9.7	7.5	6.6	8.3	7.2	7.9	7.7	Khá								
11	2253801011215	Nguyễn Thị Huệ	20/11/1992	0.0	0.0	7.5	2.9	0.0	6.2	7.4	2.1	7.7	4.3	Yếu								
12	2253801011217	Huỳnh Văn Khải	02/08/1992	7.4	7.3	7.2	9.9	7.1	7.9	8.2	8.3	8.2	8.0	Giỏi								

STT	MSHS	Họ và tên	Ngày sinh	Nghiep vụ toàn án, thi hành án dân sự, thừa phát lại(2)	Luật Thuế(1)	Nghiep vụ ĐK và QL hộ tịch(2)	Luật Thương mại(2)	Đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất(2)	Luật Hình sự và Tố tụng HS(4)	Kỹ năng mềm(2)	Pháp luật về công chứng, chứng thực(1)	Luật Tài chính(2)	Điểm TB	Xếp loại
13	2253801011218	Trần Thị Liên	23/04/1992	7.9	7.7	6.6	9.8	7.7	6.3	6.8	8.3	8.8	7.6	Khá
14	2253801011219	Phan Thị Liễu	10/01/1984	8.1	7.9	7.2	9.7	8.3	6.9	8.0	8.6	8.8	8.0	Giỏi
15	2253801011220	Nguyễn Huy Long	02/03/1988	7.1	7.9	6.2	10.0	7.4	9.0	8.9	7.9	9.5	8.3	Giỏi
16	2253801011221	Trần Văn Ngà	30/04/1989	7.4	7.4	6.5	9.7	7.7	7.2	6.5	7.2	8.3	7.5	Khá
17	2253801011222	Nguyễn Thị Thảo Ngân	28/12/1993	6.7	7.6	6.1	9.7	7.9	6.8	7.7	7.1	9.3	7.6	Khá
18	2253801011225	Lê Văn Quý	21/09/1974	6.8	7.3	5.6	9.2	7.3	7.4	7.3	5.8	8.3	7.3	Khá
19	2253801011226	Trần Hữu Sang	19/01/1989	6.9	7.9	5.3	9.0	8.0	6.4	7.5	6.4	7.8	7.2	Khá

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 12 tháng 9 năm 2024
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái